

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P - TỈNH GIA LAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thành Nhơn;

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Bạch Quảng và bà Ngô Thị Thao.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mai Hải - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:** Ông Phan Văn Hóa- Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 26/2022/TLST-HS ngày 14 tháng 02 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2022/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 3 năm 2022, đối với bị cáo:

**Trần Đức T**, sinh năm 1997, tại Gia Lai, nơi cư trú: Số 44 đường Út T, Tổ 03, phường Hội P, TP.P, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Văn Q, và bà Trần Thị H; Tiền án, tiền sự: Không.

Ngày 12/8/2021, bị Tòa án nhân dân huyện Ea H, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 03 (ba) năm 09 (chín) tháng tù về tội: *“Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”* (theo khoản 2 Điều 323 Bộ luật Hình sự), tại Bản án số 46/HSST. Ngày 04/11/2021, Trần Đức T tự nguyện đến Trại tạm giam Công an tỉnh Gia Lai để chấp hành Bản án trên. Hiện bị đang chấp hành án tại Trại tạm giam Công an tỉnh Gia Lai. Có mặt.

*Người bị hại:*

- Anh Lữ Bảo L, sinh ngày 26/02/2004; địa chỉ: Thôn Phú M, xã Ia B, huyện Chư P, tỉnh Gia Lai. *Vắng mặt.*

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

- Ông Lữ Thanh T, sinh năm 1970; địa chỉ: Thôn Phú M, xã Ia B, huyện Chư P, tỉnh Gia Lai. *Vắng mặt.*

- Anh Đặng Vũ T, sinh năm 1988; địa chỉ: 60 Lê D, phường Phù Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai. *Vắng mặt.*

- Anh Trần Quốc T, sinh năm 1994; địa chỉ: Thôn 4, thị trấn Sa T, huyện Sa T, tỉnh Kon T. *Vắng mặt.*

- Chị Trần Thị Thu T, sinh năm 1990; địa chỉ: 44 Út T, tổ 3, phường Hội P, Tp.P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm

tất như sau:

Trần Đức T và H (sinh năm 1999, trú Tổ 12, phường Hội Thương, TP.P) là bạn bè quen biết nhau ngoài xã hội; giữa Hải và anh Lữ Bảo L có quen biết nhau qua mạng xã hội. Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 14/02/2021, anh L gọi điện thoại báo cho Hải sẽ đến nhà Hải chơi, nhưng Hải bảo anh L ra quán nhậu Shock thuộc phường Phù Đ, TP.P để nhậu. Anh L đồng ý. Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 14/02/2021, Tín nhận được điện thoại của Hải gọi đến nhờ Tín ra quán nhậu Shock để giúp Hải đi cầm cố xe mô tô hiệu Suzuki Rainer, không có giấy tờ. Tín đồng ý và hỏi lại Hải là cầm bao nhiêu, Hải nói cầm 10.000.000 đồng; Tín bảo xe không có giấy tờ chỉ cầm được 8.000.000 đồng. Khi Tín đi đến quán nhậu Shock Bờ Kè, thì thấy Hải và 02 người bạn của Hải (chưa xác định được họ tên, địa chỉ) đang ngồi nhậu tại đây; Tín vào ngồi cùng. Khoảng 10 phút sau, Tín thấy có 01 người thanh niên (là anh L) điều khiển xe mô tô hiệu Suzuki Rainer, biển số 81B2-884.29 đến quán và

vào cùng ngồi bàn nhậu với Hải, Tín và bạn của Hải. Khoảng 10 phút sau, Hải nói L cho Hải mượn xe mô tô Suzuki Rainer 81B2-884.29 của L để chở Tín đi lấy áo khoác, L đồng ý và giao chìa khóa xe cho Hải. Hải nói với Tín: “Đi bạn”. Tín điều khiển xe mô tô của L chở Hải đi. Khi ra đến đường Nguyễn Tất Thành, Hải hỏi T: “Giờ đi đâu”. Lúc này khoảng hơn 18 giờ ngày 14/02/2021, T biết được là Hải nhờ T đi cầm cố giúp xe mô tô Suzuki Raider 81B2-884.29 mà Hải vừa mượn của L, nên T điều khiển xe chở Hải chạy tới đầu đường Nguyễn Tất Thành giao nhau với đường Lê D và bảo Hải xuống xe đứng chờ. T điều khiển xe mô tô trên đến tiệm cầm đồ Út Trang (số 60 đường Lê D, phường Phù Đ, TP.P) cầm cố cho ông Đặng Vũ T, chủ tiệm và cũng là người quen của T lấy 8.000.000 đồng. T nhận tiền đưa hết cho Hải.

Ngày 01/3/2021, Trần Đức T gọi điện thoại hỏi H có chuộc lại xe mô tô Suzuki Rainer 81B2-884.29 hay không, thì Hải bảo không. T tự bỏ ra số tiền 8.500.000 đồng và đến gặp ông Đặng Vũ T chuộc lại xe mô tô 81B2-884.29 (gồm có 8.000.000 đồng tiền cầm cố và 500.000 đồng tiền lãi) để bán cho người khác hưởng tiền chênh lệch. Sau đó T vào mạng xã hội Facebook thì thấy tài khoản tên: “Trung Trần” đăng tin cần mua xe máy cũ; đây là tài khoản Facebook của anh Trần Quốc T. Trao đổi qua nhắn tin, T nói với anh Trung là cần bán xe mô tô hiệu Suzuki Rainer, biển số 81B2-884.29, xe không có giấy tờ, anh Trung đồng ý mua với giá 16.000.000 đồng. Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 01/3/2021, T điều khiển xe mô tô 81B2-884.29 đến quán cà phê ở khu vực ngã ba Trung T, TP.Kon T, tỉnh Kon T bán cho anh Trung lấy 16.000.000 đồng tiêu xài.

Anh Lữ Bảo L nhiều lần gọi điện yêu cầu H trả xe nhưng, không được nên ngày 10/5/2021 anh L đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TP.P tố giác hành vi của Hải. Qua xác minh, ngày 12/5/2021 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TP.P làm việc với anh Nguyễn Quốc Trung và thu giữ được xe mô tô hiệu Suzuki Rainer, biển số 81B2-884.29.

Hội đồng định giá, xác định: Tại thời điểm ngày 14/02/2021, xe mô tô nhãn hiệu Suzuki Rainer, biển số 81B2-884.29 có trị giá 27.000.000 đồng (hai mươi bảy triệu đồng). Sau khi định giá, Cơ quan điều tra xử lý trả lại xe mô tô trên cho anh L.

Quá trình Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TP.P điều tra vụ án, H đã bỏ trốn khỏi địa phương, nên Cơ quan điều tra chưa làm việc được.

Trần Đức T thấy Hải mượn xe mô tô của anh Lữ Bảo L, nên biết được Hải nhờ đi cầm cố xe của anh L. Sau đó, biết Hải không chuộc lại xe, T tiếp tục tự bỏ tiền ra chuộc lại rồi bán cho người khác để hưởng tiền chênh lệch.

Ngày 13/9/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TP.P khởi tố vụ án; ngày 10/01/2022, khởi tố bị can và ra Quyết định truy nã đối với H về tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Do Hải đã bỏ trốn, nên Cơ quan điều tra tách vụ án hình sự đối với Hải về tội danh trên để xử lý sau.

Đối với điện thoại di động mà T dùng để liên lạc với Hải và anh Nguyễn Quốc Trung, sau đó T đã làm mất nên Cơ quan điều tra không thu giữ được.

*Về dân sự:* Sau khi nhận lại xe mô tô nhãn hiệu Suzuki Rainer biển số 81B2-884.29, anh Lữ Bảo L không có yêu cầu bồi thường. Trần Đức T tác động để chị Trần Thị Thu T, là chị ruột của T, bồi thường cho Nguyễn Quốc Trung 4.000.000 đồng. Hiện anh Trung không yêu cầu gì.

Tại Bản Cáo trạng số 44/CT-VKS ngày 14/02/2022, Viện kiểm sát nhân dân thành phố P đã truy tố bị cáo Trần Đức T ra trước Tòa để xét xử về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự năm 2015 với tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015: “*Người phạm tội thành khẩn khai báo*”.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Trần Đức T, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; xử phạt bị cáo Trần Đức T mức án tù 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù; áp dụng Điều 55, Điều 56, tổng hợp hình phạt chung, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án này và hình phạt 3 năm 9 tháng tù của bản án số 46/2021/HSST ngày 12/8/2021 của Tòa án nhân dân huyện Ea H, được trừ thời gian đã chấp hành án từ ngày 04/11/2021 đến ngày 25/4/2022; không áp dụng hình phạt tiền bổ sung đối với bị cáo.

Đối với Đặng Vũ T và Trần Quốc T, là người nhận cầm cố và mua bán tài sản của T, nhưng do không biết tài sản do người khác phạm tội mà có nên không xem xét.

Về xử lý vật chứng, đề nghị truy thu số tiền 3.500.000 đồng thu lợi bất chính nhận được do bán xe cho Trần Quốc T, sau khi đã trừ các khoản đã chi trả, bồi thường.

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Đức T thừa nhận toàn nội dung Bản cáo trạng mà Viện kiểm sát truy tố, không có ý kiến tranh luận gì về mức hình phạt cũng như tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị; bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hoạt động điều tra, truy tố, xét xử của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi bị truy tố của bị cáo:

Lời khai nhận tại phiên tòa của bị cáo phù hợp với chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ vụ án và đúng như nội dung trong bản Cáo trạng số 44/CT-VKS ngày 14 tháng 02 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P đã truy tố ra trước Tòa án để xét xử bị cáo Trần Đức T về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Ngày 14 tháng 02 năm 2021 Trần Đức T đang ở nhà, thì khoảng 18 giờ, H điện thoại, gọi ra quán nhậu Shock để đi cầm cố xe mô tô không giấy tờ giúp H. Khi nghe thông tin xe không có giấy tờ, T biết được là xe có nguồn gốc không hợp pháp nhưng vẫn nhận lời giúp H.

T thuê xe đến vào ngồi với H cùng những người khác đã có mặt tại đây. Một lúc sau Lữ Bảo L điều khiển xe mô tô hiệu Suzuki đến ngồi cùng. Sau đó, H mượn xe của L, nói là đi lấy áo chống rét. Sau khi được L giao xe, H gọi T đi cùng.

T chứng kiến H mượn xe của L, nên khi H bảo đi, T biết là H lừa lấy xe của L nhờ T đưa đi cầm cố. Vì vậy, khi đến ngã tư đường Lê D- Nguyễn Tất Thành, T dừng xe cho H xuống đợi, T đưa xe đến hiệu cầm đồ của Đặng Vũ T giao xe, lấy 8.000.000đ mang ra đưa cho H rồi đi về nhà.

Hành vi của H có dấu hiệu của tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015, Cơ quan Điều tra Công an thành phố P đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với H, nhưng do H bỏ trốn, đang bị truy nã, khi nào bắt được sẽ xử lý sau.

Trần Đức T trực tiếp chứng kiến diễn biến quá trình H lừa anh L để chiếm đoạt chiếc xe mô tô 81B2 – 884.29 và nhờ T đưa đi cầm cố lấy tiền; T biết đây là hành vi trái luật, nhưng vẫn giúp H để tiêu thụ. Sau đó T đã thanh toán tiền cầm cố cho Thạch 8.000.000đ và tự nguyện cho Thạch 500.000đ để lấy đem đi bán cho người khác hưởng chênh lệch. Hành vi của Trần Đức T đã phạm vào tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Điều 323 của Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định: “Người nào không hứa hẹn trước mà chứa chấp, tiêu thụ tài sản biết rõ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Do đó, Cáo trạng số 44/CT-VKS ngày 14/02/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P truy tố ra trước Tòa là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý xã hội cũng như hoạt động tư pháp trong điều tra, truy tố, xét xử tội phạm.

Trước đó, vào ngày 07/9/2020, T đã từng thực hiện hành vi tội phạm về “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” và ngày 12/8/2021 bị Tòa án nhân dân huyện Ea H xử phạt 3 năm 9 tháng tù. Trong thời gian Bản án nói trên chưa có hiệu lực pháp luật, ngày 14/02/2021 T thực hiện hành vi phạm tội, nên lần phạm tội này không được xem là tái phạm. Theo kết luận số 91/KL-HĐGĐTS ngày 04/6/2021, giá trị tài sản mà bị cáo phạm tội lần này là 27.000.000đ, nhưng cần phải xem xét thái độ tuân thủ pháp luật, mức độ ăn năn hối cải khi nhờ gia đình, người thân bồi hoàn một phần số tiền đã chiếm đoạt cho người bị hại theo quy định tại khoản 2 Điều 51 và áp dụng Điều 55, Điều 56 của Bộ luật hình sự năm 2015, để xử phạt bị cáo mức án tù nghiêm khắc, cách ly ra khỏi đời sống xã hội, tổng hợp hình phạt 3 năm 9 tháng tù theo bản án số 46/2021/HSST ngày 12/8/2021 để giáo dục, cải tạo bị cáo tiến bộ.

Đối với Đặng Vũ T, người đã nhận cầm cố chiếc xe mô tô do T mang đến. Thạch biết đây không phải là tài sản của T nhưng vẫn giao dịch, đưa tiền cho T và nhận xe. Tuy nhiên, giữa Thạch và T có mối quan hệ, quen biết, nên Thạch cho T vay số tiền 8.000.000đ không tính lãi. Việc T để lại cho Thạch chiếc xe mô tô mà H nhờ cầm cố là hoàn toàn tự nguyện, không thỏa thuận gì về điều kiện ràng buộc nghĩa vụ với khoản tiền mà Thạch cho vay. Đồng thời Thạch không biết đây là tài sản do phạm tội mà có. Do đó cơ quan điều tra không xử lý là có căn cứ.

Đối với Trần Quốc T, người mua xe mô tô do T bán, thấy rằng, việc tham gia giao dịch đối với tài sản mà không có giấy tờ chứng minh quyền sở hữu là trái pháp luật. Nhưng sau khi mua được, Trung đã tìm hiểu nguồn gốc để mua lại giấy tờ đăng ký sở hữu và biết là tài sản mua bán không hợp pháp nên đã trả lại chủ sở hữu. Do khi giao dịch mua bán, T bảo là xe cầm cố nhưng đã quá hạn. Vì vậy Trung tìm chủ sở hữu để mua lại giấy đăng ký sở hữu với giá 10 triệu đồng, cộng với số tiền trả cho T là 26 triệu đồng, tương đương với giá trị thực tế do Hội đồng định giá tài sản trong hình sự xác định. Do đó Trung là người ngay tình khi mua, không có dấu hiệu của tội phạm.

[ 3] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại là anh Lữ Bảo L đã nhận lại xe mô tô và anh Trần Quốc T đã nhận 4.000.000đ do chị Trần Thị Thu T, chị ruột của bị cáo T bồi thường. Chị Thủy và anh Trung, anh L không có ý kiến yêu cầu gì về bồi thường nên không xem xét.

[4] Về án phí: Bị cáo Trần Đức T phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc truy thu số tiền 3,5 triệu đồng thu lợi bất chính trong vụ án này, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị cáo T đã bỏ ra 8,5 triệu đồng để mua lại chiếc mô tô do phạm tội mà có để bán cho Trung lấy 16 triệu đồng. Như vậy T phải có nghĩa vụ trả lại anh Trung 16 triệu đồng, nếu có yêu cầu. Trường hợp truy thu thì T phải nộp lại cả số tiền 4 triệu đồng mà chị Thủy đã trả cho anh Trung thay cho T. Nhưng vì anh Trung và chị Thủy không yêu cầu T trả lại nên không xem xét.

Theo quy định Điều 194 của Bộ luật Dân sự năm 2015 về quyền định đoạt của chủ sở hữu và Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015, thì anh Trung và chị Thủy không đòi lại số tiền đã giao cho T là đã từ bỏ tài sản thuộc sở hữu của mình, nên không truy thu sung vào ngân sách Nhà nước.

Về đề nghị áp dụng tình tiết thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của đại diện viện Kiểm sát tại phiên tòa thấy rằng, tại phiên tòa bị cáo chưa thành khẩn khi khai báo về hành vi phạm tội, chưa thể hiện việc ăn năn vì vừa bị kết án cũng về hành vi này trước đó mà lại tiếp tục phạm tội. Do đó không có căn cứ cho rằng bị cáo ăn năn hối cải, thành khẩn khai báo

Các ý kiến đề nghị khác của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Tuyên bố bị cáo Trần Đức T phạm tội “ Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”

- Căn cứ khoản 1 Điều 323; Điều 38, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015,

Tuyên xử:

Phạt bị cáo Trần Đức T 01 ( Một) năm 03 ( Ba) tháng tù;

Áp dụng Điều 55, Điều 56 của Bộ luật hình sự năm 2015, tổng hợp hình phạt 3 năm 9 tháng của Bản án số 46/2021/HSST ngày 12/8/2021 của Toàn án nhân dân huyện Ea Hleo, tỉnh Đắk Lắk, buộc bị cáo Trần Đức T phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 5 ( Năm ) năm tù, tính từ ngày 04/11/2021, được trừ thời gian đã thi hành án từ ngày 04/11/2021 đến ngày 25/4/2022

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Trần Đức T phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm; hai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án tổng đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Gia lai;
- VKS TP P;
- Công an Tp. P;
- THADS Tp.P;
- Bị cáo;
- Lưu hs.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Thành Nhơn**